

Số: 89 /2021/ QĐST- VDS

C, ngày 19 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **TRẦN TÚ A**

Thư ký phiên họp: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:
Ông **TRẦN VĂN QUỐC** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 419/2020/TLST-VDS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Xác định kỷ phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 98/ 2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **NGUYỄN THỊ P**- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ công tác: tỉnh lộ 875, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **LÊ VĂN T**, sinh năm 1970
2. Bà **ĐOÀN THỊ Đ**, sinh năm 1970
3. A **LÊ HOÀNG A**, sinh năm 1995
4. A **LÊ HOÀNG N**, sinh năm 1999
5. Chị **LÊ HOÀNG T1**, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu ngày 07/9/2020 bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thụ lý thi hành bản án số 131/2014/ DSST ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện C và ban hành quyết định thi hành án số 328/QĐ.THADS ngày 05/11/2014.

Nội dung thi hành: Buộc ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị Đ ngụ ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải trả cho bà Nguyễn Thị Út số tiền 49.000.000đồng. Nếu chậm thi hành án thì tính thêm lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định. Ngoài ra, ông T và bà Đ còn phải nộp 2.450.000đ án phí DSST.

Quá trình thi hành án, kết quả xác minh: Ông Lê Văn T đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009. Trên phần đất có 01 căn nhà kiên cố gồm 01 trệt và 01 lầu.

Tại thời điểm xét duyệt cấp đất ngày 09/12/2009 hộ ông T có 05 thành viên: Lê Văn T, Đoàn Thị Đ, Lê Hoàng A, Lê Hoàng N, Lê Hoàng T1.

Do tài sản gắn liền trên đất là căn nhà nên chấp hành viên chưa xác định được phần quyền sở hữu của từng thành viên trong hộ.

Ngày 15/01/2020 Chấp hành viên ra thông báo số 96/ TB-CCTHADS về quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản thuộc sở hữu chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và đã thông báo cho tất cả thành viên hộ ông T. Tuy nhiên, hết thời gian hộ ông T không thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/5/2020 Chấp hành viên ra thông báo số 187/ TB-CCTHADS về quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự và đã thông báo cho bà Nguyễn Thị U nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông T, bà Đ- người phải thi hành án trong khối tài sản chung với hộ gia đình để Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có cơ sở kê biên, xử lý tài sản của ông T, bà Đ theo qui định pháp luật.

Tại đơn yêu cầu bổ sung ngày 30/10/2020 và tại phiên họp sơ thẩm bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông T, bà Đ- người phải thi hành án, mỗi người là 1/5 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất(căn nhà kiên cố gồm 01 trệt và 01 lầu) tại thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp:* Căn cứ khoản 29 điều 3 Luật đất đai có căn cứ xác định thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009 và căn nhà 01 trệt, 01 lầu trên đất là tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của hộ gia đình với 05 thành viên. Cho nên yêu cầu của chấp hành viên là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông T, bà Đ- người phải thi hành án, mỗi người là 1/5 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất(căn nhà kiên cố gồm 01 trệt và 01 lầu) tại thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009. Do đó xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án theo qui định tại khoản 1 điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung 01 số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; khoản 9 điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy tại bản án số 131/2014/ DSST ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện C và quyết định thi hành án số 328/QĐ.THADS ngày 05/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Nội dung thi hành: Buộc ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị Đ ngụ ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 49.000.000đ. Nếu chậm thi hành án thì tính thêm lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định. Ngoài ra, ông T và bà Đ còn phải nộp 2.450.000đ án phí DSST. Trong quá trình thi hành án bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên cũng đã thông báo cho người phải thi hành án và các thành viên trong hộ, người có quyền yêu cầu thi hành án về việc thỏa thuận phân chia tài sản, quyền yêu cầu Tòa án phân chia, xác định phần sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nhưng không có ai tự thỏa thuận hay yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào biên bản xác minh ông Lê Văn T đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009. Trên phần đất có 01 căn nhà kiên cố gồm 01 trệt và 01 lầu. Tại thời điểm cấp đất ngày 09/12/2009 hộ ông T có 05 người gồm: ông T, bà Đ, A Hoàng A, Hoàng N, T1.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được ông T mua của bà Mã Thanh N (giấy tay) năm 2007. Sau đó được đo đạc làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009.

Tòa án cũng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất ngày 12/3/2021. Theo đó hiện tại thửa đất có diện tích 83,7m². Trên đất có 01 căn nhà 01 trệt 01 lầu ngang 6,21m, dài 13,15m. Kết cấu cột, dầm, sàn bê tông, vách tường, mái tole, nền lát gạch ceramic 400 x 400, có khu phụ, trền. Tỉ lệ còn lại 60%.

Từ đó, có căn cứ xác định căn nhà gắn liền với thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản thuộc sở hữu, quyền sử dụng chung của hộ ông T với 05 thành viên gồm Lê Văn T, Đoàn Thị Đ, Lê Hoàng A, Lê Hoàng N, Lê Hoàng T1. Cho nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là có căn cứ theo

qui định tại điều 102, 212 Bộ luật dân sự và điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung 01 số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[3] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu lệ phí giải quyết dân sự theo qui định tại khoản 4 điều 11 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 điều 27, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 102, 212 Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung 01 số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; khoản 4 điều 11 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Xác định ông Lê Văn T, bà Đoàn Thị Đ mỗi người được 1/5 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất(là căn nhà kiên cố gồm 01 trệt và 01 lầu ngang 6,21m, dài 13,15m) tại thửa đất số 19, tờ bản đồ C5, diện tích 83,7m², mục đích sử dụng: ONT. Đất tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông T ngày 09/12/2009.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị P- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với ông Lê Văn T, bà Đoàn Thị Đ, A Lê Hoàng A, A Lê Hoàng N, chị Lê Hoàng T1 thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- VKS ND huyện C;
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TRẦN TÚ A

